

**CÔNG TY CỔ PHẦN KATOMI MIỀN BẮC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KATOMI MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTHERN KATOMI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KATOMI MIEN BAC., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107616585

**3. Ngày thành lập:** 01/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12, ngõ 114 phố Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                                                                            | 2822     |
| 2.  | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                                                                     | 2825     |
| 3.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                   | 2023     |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                             | 2592     |
| 5.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                          | 1010     |
| 6.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                  | 1020     |
| 7.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                             | 1030     |
| 8.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                            | 1071     |
| 9.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo                                                                                                                                                       | 1073     |
| 10. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Rang và lọc cà phê;<br>- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; | 1079     |
| 11. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                       | 1102     |
| 12. | Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia                                                                                                                                                       | 1103     |
| 13. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                  | 1104     |
| 14. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất khăn giấy ướt, khăn giấy khô, tã giấy                                                             | 1709     |
| 15. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hộp quẹt ga                                                                                                                   | 3290     |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                               | 3312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3320        |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4530        |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác<br>Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                                  | 4620        |
| 20. | Bán buôn gạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4631        |
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Bán buôn cà phê bột                                                                                                                                                    | 4632        |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4633        |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn hộp quẹt<br>Bán buôn khăn giấy ướt, khăn giấy khô, tã giấy | 4649(Chính) |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4651        |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng<br>Bán buôn máy chế biến thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659        |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4931        |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932        |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933        |
| 31. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8292        |
| 32. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532        |
| 33. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                   | 6619 |
| 35. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                         | 7020 |
| 36. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                         | 7320 |
| 37. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch thuật                                                                                  | 7490 |
| 38. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH KATOMI VIỆT NAM | 9-11 Đường D52, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    | 0311543224                                                                                  |         |
|     |                              |                                                                                         | Tổng số           | 60.000     | 600.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ VĂN HỒNG                  | K2, Phường Đông Triều, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     | 100964437                                                                                   |         |
|     |                              |                                                                                         | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG PHÚC HẢO               | Số 12 ngõ 114 phố Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 111860710                                                                                   |         |
|     |                              |                                                                                         | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | TRẦN QUANG HUY               | Số 352 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 58.000     | 580.000.000           | 29,000    | 0360790012<br>02                                                                            |         |
|     |                              |                                                                                         | Tổng số           | 58.000     | 580.000.000           | 29,000    |                                                                                             |         |
|     |                              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                           |                   |        |             |        |              |  |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 5 | VŨ HOÀI LINH | 21/174 Hạ Lý, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 | 031073002057 |  |
|   |              |                                                                           | Tổng số           | 30.000 | 300.000.000 | 15,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG PHÚC HẢO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111860710

Ngày cấp: 04/04/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12 ngõ 114 phố Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 12 ngõ 114 phố Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội